TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2025/HS-PT.
Ngày 03 - 9 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn, ông Phúc An Hoành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 42/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Triệu Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang).

Bị cáo có kháng cáo:

Triệu Văn N, giới tính: Nam; sinh ngày 10/6/1990, tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn B V, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn B V, xã H, tỉnh Tuyên Quang); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; H và tên cha: Triệu Văn L, sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Hoàng Thị N1, sinh năm 1958; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ tư; Vợ: Hoàng Thị K, sinh năm 1993; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T. *Có mặt tại phiên tòa.*

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông Nguyễn Thành M và ông Ngô Chí H1 – Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. *Luật sư M vắng mặt, Luật sư H1 có mặt.*

2. Ông Ma Ngọc K1 (Văn phòng L2) – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. *Có mặt tại phiên tòa.*

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1999, trú tại Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã B, tỉnh Tuyên Quang). *Có mặt tại phiên tòa.*

- *Người làm chứng:* Anh Bàn Văn H3, sinh năm 2001, trú tại Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã B, tỉnh Tuyên Quang). *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Văn N, sinh năm 1990, trú tại thôn B V, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (đã có vợ) và Nguyễn Thị H2, sinh năm 1999, trú tại thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (đã có chồng) có mối quan hệ tình cảm nam nữ từ năm 2021 và đã nhiều lần quan hệ tình dục với nhau. Do gia đình của N và H2 phát hiện nên đã yêu cầu chấm dứt mối quan hệ bất chính trên. Tháng 5/2024, H2 muốn chấm dứt mối quan hệ với N và bắt đầu làm việc tại Bưu điện văn hóa xã M, huyện H, thuộc thôn M, xã M, huyện H. Thời gian làm việc tại đây, N nhiều lần đến tìm gặp H2 và có hành động thân mật, tình cảm thì bị H2 từ chối. H2 nói với chồng là Phạm Văn H4, sinh năm 1995, trú tại thôn L, xã M, huyện H camera để N sợ và không dám đến nữa. Nguồn điện cấp cho camera được H4 đấu nối trực tiếp vào nguồn dây điện, không qua cầu dao để camera được hoạt động liên tục.

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 06/12/2024, N một mình đến Bưu điện văn hóa xã M gặp H2 để thanh toán tiền hoa hồng do H2 giới thiệu khách lắp đặt đường truyền mạng Internet cho N (lúc này trong Bưu điện không có ai khác). H2 đang ngồi đếm tiền, mặt hướng phía cửa ra vào, lưng quay vào bên trong bưu điện thì N đi vòng ra phía sau lưng H2, dùng tay phải ngắt cầu dao điện mục đích để camera không ghi lại được việc N đến, thấy vậy H2 nói *"Làm cái gì"* đồng thời dùng tay bật cầu dao điện lên thì N lần thứ hai tiếp tục dùng tay ngắt cầu dao điện sau đó tiến lại gần H2, dùng tay trái ý định kéo áo H2 thì H2 nói *"bỏ ra"* rồi dùng tay bật cầu dao điện. N tiếp tục dùng tay ngắt cầu dao điện lần thứ ba rồi tiến sát, đứng đối diện H2, dùng tay phải vòng ra sau cổ, tay trái nắm vào bắp tay phải của H2 ý định hôn vào má H2 đồng thời ôm, bế H2 thì H2 chống cự, nói nhiều câu *"tránh ra"* nhưng N vẫn không dừng hành động của mình, H2 sau đó đã ngồi tụt xuống khiến chiếc áo khoác đang mặc do N túm và giữ bị tụt ra. Khi H2 kiên quyết chống cự,

N biết không bế, kéo được H2 nữa thì dừng lại. Huyền mặc lại áo khoác sau đó bật cầu dao điện đồng thời có nhiều lời nói chửi, đuổi nhưng N không về.

N tiếp tục ngắt cầu dao điện lần thứ tư và lần năm thì H2 đều tiến đến và bật lên, đến lần thứ sáu ngắt cầu dao thì N liền đứng đối diện, áp sát H2, H2 ngồi xuống, hét to *"đi ra"*, N không nói gì đồng thời dùng hai tay luồn xuống hai nách của H2 nắm chặt áo khoác của H2 đang mặc để kéo và nhấc xốc người Huyền lên, hướng H2 áp mặt vào ngực của N. N tiếp tục dùng hai tay ôm chặt dưới lưng H2 rồi nhấc ôm, kéo H2 vào bên trong nhà kho đựng đồ của điểm Bưu điện, cách đó khoảng 2,5m. Khi đã ôm, kéo được H2 vào bên trong nhà kho thì N dùng sức mạnh để khống chế ôm, nắm chặt vào áo H2, H2 chống cự, la hét khiến áo khoác của H2 bị rách 01 vết dưới nách áo bên trái dài 09cm. N tiếp tục dùng 01 tay ôm, 01 tay bóp vào phần ngực vú bên phải của H2, dùng răng cắn vào phía cổ bên phải và ngón tay cái của H2. Sau đó, N dùng tay để kéo tụt khóa quần của H2, mục đích để quan hệ tình dục thì H2 la hét với mục đích tìm sự hỗ trợ từ những người ở bên ngoài điểm bưu điện nếu nghe thấy, rồi dùng răng cắn 01 nhát vào phần cạnh ức trái của N.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Bàn Văn H3, sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã M, huyện H điều khiển xe mô tô đến nộp tiền điện thì nghe thấy trong phòng kho bưu điện có tiếng hét của H2. Sau đó Bàn Văn H3 gọi to *"chị H2 ơi",* do biết có người đến, sợ bị phát hiện nên N đi ra ngoài, điều khiển xe mô tô đi theo hướng xã M, huyện H. Bàn Văn H3 thấy H2 bước ra từ phòng kho trong tình trạng khóc, đầu tóc bù xù, áo khoác không cài khóa, trên mặt có vết xước. Ngay sau đó, H2 đã tố giác hành vi của Triệu Văn N đến Công an xã M, cùng ngày Công an xã M chuyển tố giác về tội phạm trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Triệu Văn N không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

* Tại bản kết luận giám định khả năng tình dục số 251/2024/KLKNTD-TTPY ngày 12/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Triệu Văn N, kết luận: Vùng cạnh mũi ức bên trái có vết hằn đỏ hình ô van, đang thoái hóa màu vàng xanh dài 3,5cm, rộng 2cm, ở giữa có vết xước da nông đang đóng vảy dài 1cm. Vết này sau một thời gian sẽ hết không để lại sẹo không có phần trăm tổn thương cơ thể. Bộ phận sinh dục của Triệu Văn N không có dấu vết thương tích gì. Dương vật với kích thước và có khả năng cương cứng như trên là bình thường và có khả năng giao cấu. Tại thời điểm giám định Triệu Văn N không bị nhiễm HIV.

* Tại bản kết luận giám định khả năng tình dục số 249/2024/KLKNTD-TTPY ngày 09/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Nguyễn Thị H2, kết luận: Tại thời điểm khám giám định kiểm tra trên thân thể thấy tại vùng cổ dưới xương hàm bên phải có các nốt thâm da không liên tục như mô tả: 0% ; Bộ phận sinh dục không có tổn thương; Màng trinh: Lỗ màng trinh rộng, gốc bờ mép xung quanh màng trinh nhẵn đều, có mầu hồng thuần nhất (dấu tích của màng trinh quan hệ tình dục nhiều lần); Tại thời điểm giám định Nguyễn Thị H2 không có thai.

* Tại Bản kết luận giám định kỹ thuật số và điện tử số 179/KL-KTHS ngày 16/02/2025 của Phòng K2 sự Công an tỉnh T, kết luận:

(1). Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp tin video mẫu cần giám định.

(2). Đặc điểm người, đồ vật, nội dung, diễn biến sự việc trong file video mẫu cần giám định *(trong khoảng thời gian từ 15 giờ 48 phút đến 16 giờ 01 phút ngày 18/12/2024, theo thời gian hiển thị trên video)* được mô tả chi tiết trong bản ảnh giám định kèm theo.

Ngày 09/12/2024, Nguyễn Thị H2 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang) đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn N, phạm tội "*Hiếp dâm"*.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 141; khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 18/12/2024).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 592 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Triệu Văn N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại chị Nguyễn Thị H2 tổng số tiền là 14.040.000đ (Mười bốn triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/5/2025 bị cáo Triệu Văn N có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội Hiếp dâm; Về phần dân sự bị cáo xác định không có lỗi nên bị cáo không nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo xác định ngày 06/12/2024 bị cáo không có ý định hiếp dâm chị Nguyễn Thị H2. Về phần dân sự bị cáo xác định không có lỗi nên bị cáo không nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại; Về án phí bị cáo đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết liên quan đến vụ án, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, xét nhân thân bị cáo, đánh giá mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Triệu Văn N 02 (H5) năm tù về tội "Hiếp dâm" là đúng người,

đúng tội, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho nội dung kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Văn N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang).

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn N, phạm tội "*Hiếp dâm".*

Áp dụng: Khoản 1 Điều 141; khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 18/12/2024).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 592 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Triệu Văn N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại chị Nguyễn Thị H2 tổng số tiền là 14.040.000đ (Mười bốn triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng). Bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa:

- Luật sư Ngô Chí H1: Từ khi xảy ra vụ việc đến khi các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, khởi tố và truy tố bị cáo, bị cáo đều khai không có ý định và mục đích hiếp dâm chị H2 vào chiều ngày 06/12/2024. Hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo và bị hại đều khai nhận giữa hai người có quan hệ tình cảm từ năm 2021 đến thời điểm xảy ra vụ việc ngày 6/12/2024, trong thời gian này hai người thường xuyên hẹn hò đi chơi và nhiều lần quan hệ tình dục với nhau tại các nhà nghỉ và mỗi lần gặp hau đều có hành động ôm, hôn, thể hiện tình cảm, H2 nhiều lần cắn vào ngực N. Nếu không có căn cứ chứng minh bị cáo có hành vi dùng vũ lực để thực hiện hành vi giao cấu với bị hại thì bị cáo không phạm tội Hiếp dâm, mà chỉ xử lý hành chính theo điểm đ, mục 5, Điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không có tội và trả tự do cho bị cáo.

- Luật sư Ma Ngọc K1: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Triệu Văn N về tội Hiếp dâm là chưa đủ căn cứ, vì: Bị cáo N không dùng vũ lực để ép chị H2 quan hệ tình dục, giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ tình cảm từ lâu nên khi bị cáo ôm, bế bị hại vào bên trong nhà kho đựng đồ của điểm Bưu điện thì bị hại chỉ có lời nói mang tính chất lảng tránh, không phải là sự chống cự quyết liệt đối với hành vi của bị cáo; Bị hại chị Nguyễn Thị H2 không nằm trong tình trạng không thể chống cự được. Từ những phân tích trên ông K1 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Triệu Văn N không phạm tội Hiếp dâm; Về trách nhiệm bồi thường dân sự ông K1 xác định trong vụ án này bị cáo không có lỗi nên ông K1 đề nghị không buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của bị hại chị Nguyễn Thị H2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm tranh luận với luận cứ bào chữa của Luật sư: Các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá về hành vi phạm tội của bị cáo Triệu Văn N xảy ra ngày 06/12/2024, các diễn biến và quan hệ tình cảm của bị cáo và bị hại diễn ra trước đó không nằm trong vụ án này. Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/12/2024 là biên bản lấy lời khai của bị cáo ngay giai đoạn đầu, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, phù hợp với lời khai của bị hại. Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội Hiếp dâm không chỉ dựa vào lời khai của bị hại, mà còn căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng, trích xuất camera tại hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác. Tại Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC "Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi", tại khoản 9 Điều 3 quy định *"Trái với ý muốn của nạn nhân quy định tại khoản 1 Điều 141 và điểm a khoản 1 Điều 142 của Bộ luật Hình sự là người bị hại không đồng ý, phó mặc hoặc không có khả năng biểu lộ ý chí của mình đối với hành vi quan hệ tình dục cố ý của người phạm tội",* đối chiếu với diễn biến nội dung vụ án và lời khai của bị cáo, của bị hại tại phiên tòa đã thể hiện bị hại không đồng ý đối với hành vi của bị cáo. Do vậy đủ căn cứ quy kết bị cáo phạm tội Hiếp dâm theo quy định tại Điều 141 Bộ luật Hình sự và bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo không hiếp dâm bị hại H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Triệu Văn N thừa nhận ngày 06/12/2024 bị cáo có đến Bưu điện văn hóa xã M nơi chị Nguyễn Thị H2 làm việc để thanh toán tiền hoa hồng cho chị H2 do chị H2 giới thiệu khách lắp đặt đường truyền mạng Internet cho bị cáo, do bị cáo lo sợ chồng chị H2 biết việc bị cáo đến gặp chị H2 nên bị cáo đã dùng tay ngắt cầu dao điện (khoảng 5 đến 6 lần) mục đích để camera không ghi lại được việc bị cáo đến gặp chị H2, sau đó bị cáo đã có các hành vi ôm, nhấc ôm, kéo chị H2 vào bên trong nhà kho đựng đồ của điểm Bưu điện văn hóa xã M nhưng bị cáo không có ý định giao cấu với chị Nguyễn Thị H2; Bị hại chị Nguyễn Thị H2 xác định ngày 06/12/2024, bị cáo Triệu Văn N đã đến Bưu điện văn hóa xã M nơi chị làm việc để nhằm mục đích quan hệ tình dục với chị nhưng chị không đồng ý, sau đó bị cáo N đã có các hành vi: Dùng tay ngắt cầu dao điện (06 lần) mục đích để camera không ghi lại được sự việc, tiếp đó bị cáo đã có các hành vi ôm, nhấc ôm, kéo chị vào bên trong nhà kho đựng đồ của điểm Bưu điện

để ôm, dùng tay bóp vào phần ngực vú bên phải của chị, dùng răng cắn vào phía cổ bên phải và ngón tay cái của chị, dùng tay để kéo tụt khóa quần của chị mục đích để quan hệ tình dục thì bị chị la hét, chống cự rồi dùng răng cắn một nhát vào phần cạnh ức trái của bị cáo và có người đến nên bị cáo Triệu Văn N không thực hiện được hành vi giao cấu với chị.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù lời khai của bị cáo Triệu Văn N và lời khai của bị hại chị Nguyễn Thị H2 có sự mâu thuẫn nhau, không đồng nhất nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, có đủ căn cứ xác định ngày 06/12/2024 bị cáo Triệu Văn N đã có hành vi dùng vũ lực ôm, nhấc ôm, kéo chị Nguyễn Thị H2 vào bên trong nhà kho đựng đồ của Bưu điện văn hóa xã M để nhằm mục đích giao cấu trái với ý muốn của chị Nguyễn Thị H2 nhưng do có nguyên nhân cản trở khách quan (chị H2 la hét, chống cự và anh Bàn Văn H3 đến) ngoài ý muốn của bị cáo nên bị cáo không thực hiện được toàn bộ hành vi giao cấu đến cùng đối với chị Nguyễn Thị H2. Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng: Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Vật chứng thu giữ; Các kết luận giám định; Lời khai của bị hại; Lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ, ngày 06/12/2024, tại Bưu điện văn hóa xã M, thuộc thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo Triệu Văn N đã có hành vi hiếp dâm chị Nguyễn Thị H2, sinh ngày 21/3/1999, trú tại thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Triệu Văn N là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục, về nhân phẩm, danh dự, sức khỏe của con người và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Văn N 02 (H5) năm tù về tội Hiếp dâm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và luận cứ bào chữa của các Luật sư, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Triệu Văn N phạm vào tội Hiếp dâm. Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại, do vậy ý kiến đề nghị của người bào chữa không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Bị cáo Triệu Văn N là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Triệu Văn N.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Văn N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang)

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn N, phạm tội "*Hiếp dâm".*

Áp dụng: Khoản 1 Điều 141; khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 18/12/2024).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 592 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Triệu Văn N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại chị Nguyễn Thị H2 tổng số tiền là 14.040.000đ *(Mười bốn triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).*

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Triệu Văn N được miễn án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự có giá ngạch do là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/9/2025)./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng HSNV CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 2 – Tuyên Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Trại tạm giam số 1 – CA tỉnh Tuyên Quang
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ma Hồng Thắng